

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10
CÁNH ĐIỀU**

HÀ NỘI – 2022

BIÊN SOẠN:

PGS.TS Phạm Việt Thắng
TS Trần Văn Thắng
Th.S Dương Thị Thuý Nga
Th.S Hoàng Thị Thịnh
TS Hoàng Thị Thuận

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I- GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10

1.1.1. Mục tiêu

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp Tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp Trung học cơ sở gọi là môn Giáo dục công dân; ở cấp Trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKTPL) ở cấp Trung học phổ thông nhằm:

a) Giúp học sinh tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: Có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; tích cực, tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước để góp phần bảo vệ, xây dựng Tổ quốc; tôn trọng quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

b) Giúp học sinh củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kỹ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

1.1.2. Yêu cầu cần đạt

a) Về năng lực

*** Các năng lực chung**

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các năng lực chung:

Năng lực tự chủ và tự học

Năng lực tự chủ gồm các năng lực thành phần: Tự lực; Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng; Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình; Thích ứng với cuộc sống; Định hướng nghề nghiệp; Tự học, tự hoàn thiện.

Năng lực giao tiếp và hợp tác

Năng lực tự chủ bao gồm các năng lực thành phần: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp; Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; Điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn; Xác định mục đích và phương thức hợp tác; Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân; Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác; Tổ chức và thuyết phục người khác; Đánh giá hoạt động hợp tác; Hội nhập quốc tế.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo bao gồm các năng lực thành phần: Nhận ra ý tưởng mới; Phát hiện và làm rõ vấn đề; Hình thành và triển khai ý tưởng mới; Đề xuất, lựa chọn giải pháp; Thiết kế và tổ chức hoạt động; Tư duy độc lập.

*** Các năng lực đặc thù**

Năng lực điều chỉnh hành vi

Năng lực điều chỉnh hành vi bao gồm các năng lực thành phần: Nhận thức chuẩn mực hành vi; Đánh giá hành vi của bản thân và người khác; Điều chỉnh hành vi.

Năng lực phát triển bản thân

Năng lực phát triển bản thân bao gồm các năng lực thành phần: Tự nhận thức bản thân; Lập kế hoạch phát triển bản thân; Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội bao gồm các năng lực thành phần: Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội; Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

b) Về phẩm chất

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 góp phần bồi dưỡng cho học sinh 5 phẩm chất:

Yêu nước

- Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.
- Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.
- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhân ái

- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.
- Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.

Chăm chỉ

- Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.
- Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

Trung thực

- Nhận thức và hành động theo lẽ phải.
- Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt.
- Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Trách nhiệm

- Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.
- Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.
- Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.

1.2. Kế hoạch giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10

Thời lượng môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10: 2 tiết/tuần x 35 tuần = 70 tiết, trong đó:

- Giáo dục kinh tế: 45%
- Giáo dục pháp luật: 45%
- 10% thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

Chuyên đề học tập: 35 tiết (Pháp luật 2 = 20 tiết; Kinh tế 1 = 15 tiết)

Thời lượng dành cho mỗi bài

Bài	Số tiết
Bài 1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội	3
Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế	3
Bài 3. Thị trường	3
Bài 4. Kinh tế thị trường	3
Bài 5. Ngân sách nhà nước	3
Bài 6. Thuế	3
Bài 7. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	4
Bài 8. Tín dụng	3
Bài 9. Dịch vụ tín dụng	3
Bài 10. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	4
Bài 11. Công dân với hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3
Bài 12. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3
Bài 13. Chính quyền địa phương	3
Bài 14. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2
Bài 15. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị	2
Bài 16. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	4
Bài 17. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường	3
Bài 18. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước	3
Bài 19. Pháp luật trong đời sống xã hội	4
Bài 20. Hệ thống pháp luật Việt Nam	2
Bài 21. Thực hiện pháp luật	3

Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất xây dựng kế hoạch và đề xuất với Hiệu trưởng quyết định về số tiết cho mỗi bài cụ thể, sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Ngoài chương trình chính thức còn có Chuyên đề học tập với tổng thời lượng là 35 tiết, trong đó chuyên đề 1 là 10 tiết, chuyên đề 2 là 15 tiết và chuyên đề 3 là 10 tiết. Cụ thể:

Chuyên đề học tập

Bài	Tổng số tiết
Bài 1. Tình yêu	10
Bài 2. Hôn nhân	
Bài 3. Gia đình	
Bài 4. Doanh nghiệp nhỏ và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	15 tiết
Bài 5. Mục tiêu và nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	
Bài 6. Những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ	
Bài 7. Quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ	
Bài 8. Kinh nghiệm thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	
Bài 9. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự	10 tiết
Bài 10. Pháp luật hình sự về người chưa thành niên	

II- SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

2.1. Quan điểm biên soạn

Sách giáo khoa (SGK) *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* được biên soạn trên cơ sở Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10, cụ thể hoá yêu cầu cần đạt thành nội dung bài học.

Nội dung các bài học trong SGK được xây dựng dựa trên các căn cứ:

- + Quy định của Chương trình về các chủ đề và yêu cầu cần đạt.
- + Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 10.
- + Thời lượng thực hiện chương trình 2 tiết x 35 tuần = 70 tiết + 35 tiết chuyên đề học tập.

Nội dung các bài học trong SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* được biên soạn trên cơ sở quán triệt sâu sắc tư tưởng xuyên suốt của bộ SGK Cánh Diều “Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống”. Mọi tri thức trong sách đều được xây dựng từ thực tiễn, kết nối với thực tiễn cuộc sống, khơi dậy ở học sinh (HS) nguồn cảm hứng để tìm tòi khám phá, sáng tạo trong bầu trời tri thức bao la, tạo điều kiện để HS phát triển các phẩm

chất và năng lực theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; nội dung sách phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS lớp 10, phù hợp với xã hội Việt Nam hiện nay, với đặc điểm và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương, với điều kiện của nhà trường.

SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện cho giáo viên (GV) đổi mới phương pháp dạy học, kích thích khả năng tư duy, tìm tòi sáng tạo của HS, góp phần hình thành ở HS các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Các bài học trong SGK được thiết kế theo các hoạt động học tập phong phú, đa dạng như: đọc thông tin, xử lý tình huống, trường hợp, quan sát tranh ảnh, thảo luận, tổ chức trò chơi, thi đấu, nhận xét hành vi, bày tỏ thái độ;... tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, xoá bỏ cách dạy thuyết lí, áp đặt HS; khơi dậy ở HS sự hứng thú, tích cực, chủ động trong học tập.

2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10

2.2.1. Cấu trúc sách giáo khoa

Cấu trúc hệ thống bài học trong sách giáo khoa

Từ 9 chủ đề trong Chương trình môn Giáo dục công dân, SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* được thiết kế thành 21 bài học, thể hiện 2 mạch nội dung của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông: Giáo dục kinh tế; Giáo dục pháp luật.

CHỦ ĐỀ  **BÀI HỌC**

1. Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội
	2. Các chủ thể của nền kinh tế
2. Thị trường và cơ chế thị trường	3. Thị trường
	4. Cơ chế thị trường
3. Ngân sách nhà nước và thuế	5. Ngân sách nhà nước
	6. Thuế

4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	7. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh
5. Tín dụng và các dịch vụ tín dụng	8. Tín dụng
	9. Các dịch vụ tín dụng
6. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	10. Lập kế hoạch tài chính cá nhân
7. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	11. Công dân với hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
	12. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
	13. Chính quyền địa phương
8. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	14. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
	15. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị
	16. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
	17. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị
	18. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường
9. Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	19. Pháp luật trong đời sống xã hội
	20. Hệ thống pháp luật Việt Nam
	21. Thực hiện pháp luật

Cấu trúc chuyên đề học tập:

1. Tình yêu – Hôn nhân – Gia đình	Bài 1. Tình yêu
	Bài 2. Hôn nhân
	Bài 3. Gia đình
2. Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	Bài 4. Doanh nghiệp nhỏ và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ
	Bài 5. Mục tiêu và nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ
	Bài 6. Những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ
	Bài 7. Quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ
	Bài 8. Kinh nghiệm thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ
3. Một số vấn đề về pháp luật hình sự	Bài 9. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự
	Bài 10. Pháp luật hình sự về người chưa thành niên

2.2.2. Các bài học được thiết kế theo hoạt động học tập

Thay đổi cách tiếp cận: Chuyển từ cách tiếp cận nội dung sang cách tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực học sinh. SGK mới phải được xây dựng để hình thành và phát triển các NL cần thiết của HS, bao gồm các NL chung và NL riêng (đặc thù) của HS theo mỗi môn học.

SGK hiện hành chỉ chú ý đến trang bị kiến thức, thiên về “dạy chữ”. SGK mới được biên soạn theo hướng kết hợp một cách hợp lý giữa con đường hình thành kiến thức với thiết kế thực hành, vận dụng, gắn bó mật thiết với đời sống thực tiễn của công dân – học sinh; thể hiện rõ nét việc “dạy người”- dạy học về các kĩ năng cơ bản gắn với chủ đề bài học, dạy học về hành vi ứng xử trong các mối quan hệ xã hội để góp phần hình thành người công dân tốt của đất nước.

Cấu trúc SGK theo hoạt động học, trong đó mỗi bài học trong SGK đều được thiết kế theo hoạt động học tập, trong đó mỗi bài đều gồm 4 phần: Mở đầu; Khám phá; Luyện tập; Vận dụng.



Giới thiệu nội dung chính của bài; thông qua hoạt động khởi động nhằm thu hút học sinh, tạo tâm thế cho học sinh chuẩn bị vào bài học mới.

Phần này thường được thực hiện thông qua các hoạt động: quan sát hình ảnh; kể tên; tổ chức trò chơi; thi đố nhanh, chia sẻ với bạn về những nội dung liên quan đến bài học.

Ví dụ:

Bài 1 CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI



Nền kinh tế của một quốc gia là một chỉnh thể thống nhất, bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế cơ bản như sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng. Trong đời sống xã hội, các hoạt động kinh tế có mối quan hệ mật thiết với nhau, góp phần duy trì và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

Em hãy quan sát các hình ảnh sau và chỉ ra mối liên hệ giữa các hoạt động trong hình ảnh đó.



Theo *freepik.com*



Mở đầu

Mỗi quốc gia đều có một hệ thống chính trị gồm nhiều thành tố được liên kết với nhau thông qua các cơ chế vận hành nhằm thực thi quyền lực chính trị. Ở Việt Nam, hệ thống chính trị, ngoài những đặc điểm cấu trúc chung, cũng có những đặc trưng thể hiện bản sắc chính trị riêng.

Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây để xác định tên của các cơ quan, tổ chức và chia sẻ hiểu biết của em về các cơ quan, tổ chức đó.



(Theo www.hdll.vn, ngày 25/01/2021)



(Theo www.qdnd.vn, ngày 20/7/2021)



(Theo www.tienphong.vn, ngày 13/12/2017)



(Theo www.baochinhphu.vn, ngày 18/9/2019)



Khám phá

Nội dung phần Khám phá gồm các câu chuyện, tình huống, hình ảnh, trường hợp,... để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV thực hiện các hoạt động quan sát, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận, tự khám phá, phát hiện, từ đó tự hình thành nên kiến thức bài học.

Nội dung thường được thể hiện qua các thông tin hoạt động kinh tế và pháp luật, các điều luật, các trường hợp điển hình, các tình huống kinh tế và pháp luật.

Ví dụ:

Bài 7

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin 2. Những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh Bình Thuận xuất hiện mô hình kinh tế hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với cách sản xuất kinh doanh mới. Bình Thuận hiện có khoảng 180 hợp tác xã, được hình thành một cách tự nguyện giữa các xã viên với hơn 47 800 thành viên. Các hợp tác xã vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính xã hội, bên cạnh việc cùng sản xuất và cùng kinh doanh, tạo ra thu nhập thì hợp tác xã còn góp phần tạo ra việc làm cho thành viên, giảm được tình hình thất nghiệp của xã hội, tạo điều kiện phát triển cho những cá nhân nhỏ lẻ, không đủ khả năng tự kinh doanh độc lập. Tiêu biểu là hợp tác xã nông nghiệp Lạc Tánh, huyện Tánh Linh trồng nấm linh chi, nấm rơm và sản xuất phân hữu cơ; hợp tác xã Bình Minh, huyện Bắc Bình trồng dưa lưới trong nhà màng; hợp tác xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc trồng thanh long ứng dụng khoa học – công nghệ, chế biến thành công rượu vang từ quả thanh long,...



Em hãy cho biết những lĩnh vực sản xuất kinh doanh nào của các hợp tác xã được nhắc đến ở thông tin 2. Em hãy liệt kê các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác của hợp tác xã mà em biết.

(Theo dantocmiennui.vn, ngày 07/12/2019)

Bài 13

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Trường hợp. An nghe bác Bình hàng xóm nói Hội đồng nhân dân tỉnh nhà sẽ họp từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 4 để thảo luận, biểu quyết các vấn đề trọng đại của tỉnh sáu tháng cuối năm. Tại Kỳ họp thường trực các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Kỳ họp xem xét 30 báo cáo trong đó có 5 báo cáo được trình bày trực tiếp. Cũng tại Kỳ họp này, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua một số nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội, biển đảo, quốc phòng an ninh,...



- Em hãy cho biết đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm gì với cử tri.
- Em hãy nêu các hoạt động cơ bản của Hội đồng nhân dân.
- Em hãy cho biết cách thức hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Trên cơ sở nội dung bài học, GV tổ chức các hoạt động học tập để HS quan sát, trao đổi, thảo luận, chia sẻ,... với các câu hỏi khai thác nội dung các thông tin hoạt động kinh tế và pháp luật, các điều luật, các trường hợp điển hình, các tình huống kinh tế và pháp luật,... từ đó HS cùng nhau xây dựng nên kiến thức bài học.

Luyện tập

Gồm các bài tập tự luận, tình huống, trắc nghiệm,... nhằm củng cố, rèn luyện học sinh theo các nội dung đã học trong phần *Khám phá*, tạo điều kiện cho học sinh tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần thiết theo yêu cầu của mỗi bài học, như NL giao tiếp và hợp tác, NL điều chỉnh hành vi, NL giải quyết vấn đề,...

Bài 3

THỊ TRƯỜNG

Luyện tập

2. Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Cà phê là nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Kênh xuất khẩu phần lớn dưới hình thức nguyên liệu thô (cà phê nhân) chiếm đến 95% sản lượng cà

phê sản xuất ra. Các doanh nghiệp chế biến sử dụng nguyên liệu từ cà phê nhân để chế biến ra cà phê rang xay, cà phê hoà tan,... Những sản phẩm này được tiêu thụ nội địa và xuất khẩu đi một số nước trên thế giới. Trong bối cảnh chuyển đổi số nền kinh tế, bên cạnh các kênh giao dịch trực tiếp, truyền thống của thị trường cà phê thì ngày càng có nhiều doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh cà phê sử dụng sàn giao dịch điện tử để kết nối với khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

a) Em hãy chỉ ra sự khác biệt về chủ thể tham gia mua bán đối với cà phê nhân và cà phê hoà tan. Hai loại sản phẩm cà phê đó được trao đổi trên những loại thị trường nào?

b) Nếu xét theo phạm vi không gian, cà phê Việt Nam được bán ở những thị trường nào? Cách thức giao dịch giữa các chủ thể của thị trường cà phê hiện nay có điểm gì mới?

3. Bạn A cho rằng, thị trường có chức năng cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều tiết hoạt động sản xuất và tiêu dùng sao cho có lợi nhất.

Em có đồng ý với nhận định của bạn A không? Vì sao?



Luyện tập

2. Xử lý tình huống

a. Tốt nghiệp đại học ngành Dược, sau khi được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, chị Hà mở cửa hàng bán thuốc dược phẩm ở thị trấn.
Theo em, việc chị Hà mở cửa hàng bán thuốc dược phẩm có phải là thực hiện pháp luật không? Nếu có, thì đó là hình thức thực hiện pháp luật nào? Vì sao?

b. Công ty V chuyên sản xuất bánh kẹo, bị cơ quan thuế kiểm tra và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì không nộp thuế đúng thời hạn.

Theo em, việc cơ quan thuế ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty V là hình thức thực hiện pháp luật nào? Vì sao?

c. Công việc kinh doanh của bà X rất thuận lợi vì có khách hàng quen, thường xuyên đến mua hàng. Gần đây, thấy nhu cầu hút thuốc lá điện tử của thanh niên phát triển mạnh, bà X quyết định nhập hàng thuốc lá điện tử về bán, dù cửa hàng của bà không đăng kí kinh doanh thuốc lá. Việc làm này của bà X đã bị cơ quan quản lí thị trường kiểm tra, lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh không đúng mặt hàng ghi trong giấy phép kinh doanh được cấp.

Theo em, việc cơ quan quản lí thị trường xử phạt vi phạm hành chính đối với bà M là đúng hay sai? Thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào? Vì sao?

Với phần Luyện tập ở mỗi bài học, SGK đáp ứng yêu cầu rèn luyện cho học sinh các kĩ năng: quan sát, nhận xét đánh giá, so sánh,...



Vận dụng

Nhằm tạo điều kiện cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng bài học vào đời sống thực tiễn ở trong giờ học cũng như ngoài giờ học, thông qua các bài tập yêu cầu vận dụng.

Ví dụ:

Bài 4

CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Vận dụng

1. Em hãy tìm hiểu về tình hình thị trường một số hàng tiêu dùng tại địa phương em trong dịp tết Nguyên đán và viết nhận xét về giá cả thị trường của các loại hàng hoá đó.
2. Em hãy sưu tầm thông tin (hình ảnh, số liệu, video clip,...) về những hành vi không đúng khi tham gia thị trường và viết bài phê phán các hành vi đó.

Bài 13

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Vận dụng

Em cùng các bạn trong nhóm xây dựng một kế hoạch nhỏ tuyên truyền về hoạt động của Ủy ban nhân dân ở địa phương em, theo gợi ý:

- Thu thập thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân;
- Lập kế hoạch thực hiện: mục đích, đối tượng tuyên truyền; hình thức, nội dung tuyên truyền; thời gian, địa điểm thực hiện.

Trình bày kế hoạch trước lớp.

Cấu trúc SGK theo hoạt động học tập:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho GV thiết kế các hoạt động dạy học.
- Tạo điều kiện cho HS rèn luyện các kỹ năng quan sát, nhận xét, so sánh, thảo luận, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Thông qua việc tham gia các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển các năng lực chung và các năng lực đặc thù của môn học.

2.2.3. SGK mới được thiết kế theo hướng hiện đại, với kênh hình vừa khoa học vừa hấp dẫn người đọc. Kênh hình trong SGK mới được thiết kế theo hướng để HS có thể khai thác được cho nội dung bài học.

III– ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

3.1. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10

3.1.1. Dạy học khám phá

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong chương trình môn học thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

*** Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

– Xác định vấn đề cần khám phá: Là vấn đề thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với HS.

– Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.

– Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.

– Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá.

Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

– GV cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

– HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra. Sau đó HS tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ,... Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các giả thuyết được đưa ra.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học khám phá**

– GV phải hiểu khả năng của từng HS, từ đó có cách hướng dẫn phù hợp, giúp HS hiểu chính xác nhiệm vụ của mình trong từng hoạt động khám phá.

– GV chuẩn bị các câu hỏi gợi mở từng bước, giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Lưu ý những biểu hiện của HS có khả năng khám phá học tập như: Hiểu các thông tin mới, có kỹ năng so sánh, phân tích, tổng hợp, huy động kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. Ngoài ra còn chú ý tới thái độ chủ động tích cực trong việc tiếp cận và giải quyết tình huống và vấn đề mới, phức tạp.

*** Ví dụ minh họa**

Đề HS nêu được vì sao anh X lại căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019 để khiếu nại quyết định của Giám đốc Công ty H (Bài 10 – SGK lớp 10), GV sử dụng phương pháp dạy học khám phá như sau:

Giai đoạn 1:

– Xác định vấn đề cần khám phá với các giả thiết: Quyết định của Giám đốc Công ty H sa thải anh X là trái pháp luật.

– Xác định cách thu thập dữ liệu: Tìm thông tin Điều 125 Bộ luật Lao động liên quan đến giả thiết.

– Xác định cách báo cáo: cá nhân và nhóm.

Giai đoạn 2:

– GV giao nhiệm vụ: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi: *Vì sao anh X lại căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019 để khiếu nại quyết định của Giám đốc Công ty H?*

– HS làm việc cá nhân thu thập các dữ liệu, thông tin để kiểm chứng các giả thiết đã đặt ra, thảo luận theo nhóm về tính đúng đắn của giả thiết và sự đáp ứng của dữ liệu đã tìm được.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả, hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức:

+ Anh X căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019 để khiếu nại quyết định của Giám đốc Công ty H, vì anh cho rằng quyết định của Giám đốc sa thải anh là không đúng (trái) pháp luật.

+ Theo khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động, người sử dụng lao động chỉ áp dụng hình thức kỷ luật sa thải khi người lao động tự ý bỏ việc 5 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày mà không có lý do chính đáng. Trong trường hợp này, anh X có lý do chính đáng là thân nhân (em ruột) đang bị ốm.

Từ kết quả làm việc của HS, GV dẫn dắt HS đến hình thành kiến thức: Anh X căn cứ vào Điều 125 Bộ luật Lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghĩa là: *Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*

3.1.2. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

* *Cách tiến hành*

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS,...
- Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.
- Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.
- Thiết kế các phiếu/hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm.

Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác.

Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp (trình bày miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo, hoặc trình bày có minh họa). GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác:**

- Chủ đề có hợp với dạy học hợp tác theo nhóm không?
- Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?
- Học sinh đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?
- Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?
- Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?
- Quy định rõ thời gian thảo luận và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm.
- Trong khi các nhóm thảo luận, GV chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng HS tập trung thảo luận vào chủ đề đã được phân công.
- Trong giờ học hợp tác, giáo viên dẫn dắt học sinh khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước. Các nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

*** Ví dụ minh họa:**

Để dạy về “Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất (Mục 1 Bài 1-SGK lớp 10), GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác như sau:

Giai đoạn 1:

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo sở trường của HS.
- Thiết kế các hoạt động: Cá nhân kết hợp hợp tác nhóm.
- Xác định thời gian phù hợp.

Giai đoạn 2:

Bước 1: yêu cầu HS mở SGK (trang 6–7), chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và giao nhiệm vụ cho HS như sau:

- + Cá nhân: Tự quan sát hình và đọc thông tin 1, 2, 3.
- + Làm việc theo nhóm: Từng thành viên chia sẻ suy nghĩ của mình về hai câu hỏi trong SGK:

a) Em hãy cho biết, hoạt động sản xuất trong mỗi thông tin trên có vai trò gì đối với đời sống của con người và xã hội?

b) Theo em, điểm giống nhau và khác nhau trong hoạt động ở thông tin 1, thông tin 3 với hoạt động ở thông tin 2 là gì?

Nhóm thảo luận tập trung, chọn nội dung đúng nhất để chia sẻ trước lớp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: mỗi nhóm cử 1 HS làm thư kí ghi câu trả lời của các thành viên trong nhóm, trao đổi, chọn lọc các ý kiến đúng, tập trung nhất để đại diện nhóm trình bày trước lớp.

Bước 3. HS các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nghe, nhận xét, góp ý bổ sung.

– GV dựa vào sản phẩm và những trao đổi, lập luận của HS để nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS rút ra kết luận:

a) Thông tin 1: Hoạt động sản xuất của làng nghề tạo ra các sản phẩm vật chất (gốm sứ) phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của con người (ví dụ nhu cầu trang trí, mỹ nghệ, đồ thờ cúng, đồ dùng sinh hoạt...); Thông tin 2: Hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần (âm nhạc) thỏa mãn nhu cầu giải trí, nâng cao đời sống tinh thần của con người; Thông tin 3: Hoạt động sản xuất vật chất (sản xuất lúa gạo) thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng vật chất của con người; việc xuất khẩu gạo còn thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đất nước,...

b) Điểm giống nhau: Cả 3 hoạt động trên đều là hoạt động sản xuất, đều tạo ra sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người, làm phong phú đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Điểm khác nhau: Hoạt động 1, 3 là hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất; Hoạt động 2 là hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần.

3.1.3. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề không phải là PPDH riêng biệt mà là một tập hợp nhiều PPDH liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó việc đặt ra và hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, gắn bó các PPDH khác.

Trong dạy học giải quyết vấn đề, HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó giúp HS lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kỹ năng,...) để tự giải quyết, nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.

* *Cách tiến hành*

Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kỹ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề**

Lựa chọn các mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi bài học. Mức độ tham gia của HS càng nhiều thì HS sẽ càng tích cực, tuy nhiên đòi hỏi trình độ năng lực của HS càng cao.

Ví dụ:

- + GV nêu và giải quyết vấn đề.
- + GV nêu vấn đề và cho HS tham gia giải quyết vấn đề.
- + GV nêu vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề.
- + GV cung cấp thông tin cho HS, tạo tình huống để HS phát biểu vấn đề và giải quyết vấn đề.
- + HS tự phát hiện vấn đề, tự lựa giải quyết và tự đánh giá.

*** Ví dụ minh họa**

Đề HS hiểu được thể nào là thực hiện pháp luật (Bài 21 – SGK lớp 10), GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề như sau:

Bước 1: GV đưa người học vào tình huống có vấn đề bằng câu lệnh: Đọc tình huống và xác định vấn đề cần giải quyết:

– Tình huống: *Q thường xuyên chơi điện tử ăn tiền. Nhiều lần Q rủ P vào quán điện tử cùng chơi nhưng luôn bị P từ chối. Một lần, P nói với Q: Cậu biết không, chơi game ăn tiền là đánh bạc trái phép và vi phạm pháp luật đấy!*

– Câu hỏi thảo luận:

- + Phân tích hành vi của các nhân vật trong tình huống.
- + Loại tệ nạn xã hội nào được nhắc đến trong tình huống.
- + Hành vi của ai là phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội? hành vi của ai là không phù hợp, trái quy định của pháp luật?
- + Hành vi nào trong tình huống sẽ bị xử lý? pháp luật quy định như thế nào về việc xử lý những hành vi đó?

+ Suy nghĩ và hành vi của P là đúng hay sai? Em có ý kiến như thế nào về lời khuyên của bạn P?

– GV yêu cầu một số HS trình bày, từ đó xác định vấn đề cần giải quyết: Phân tích đánh giá hành vi đúng, sai quy định của pháp luật.

Bước 2 và 3: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

– GV yêu cầu HS thảo luận đề xuất giả thuyết, gợi ý về những dấu hiệu xác định tệ nạn xã hội và những yếu tố cấu thành tội này.

– HS thảo luận, đề xuất phương án và lập kế hoạch giải quyết vấn đề theo các giả thuyết đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề

HS thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

+ *Chơi điện tử ăn tiền là hành vi trái pháp luật.*

+ *Thái độ phản đối, không hành động theo và lời khuyên của P đối với Q cho thấy P là người có hành vi đúng, phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa P còn biết vận động người khác thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng chống, tệ nạn xã hội.*

Bước 4: Kết luận vấn đề:

Hành vi thực hiện đúng quy định của pháp luật là hành vi hợp pháp, là biểu hiện thực hiện pháp luật.

3.1.4. Dạy học dự án

Dạy học dự án là phương pháp dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học.

* *Cách tiến hành*

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

Chia nhóm và nhận nhiệm vụ: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.

Lập kế hoạch: GV hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động: như đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin, cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu.

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

*** Ví dụ minh họa**

Để HS hiểu được trên thực tế các mô hình sản xuất kinh doanh (Bài 7 – SGK lớp 10), GV vận dụng phương pháp dạy học dự án để hướng dẫn HS học tập như sau:

Giai đoạn 1:

– Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài theo chủ đề: *Tìm hiểu về mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp ở địa phương và chia sẻ với các bạn trong lớp về sự phát triển của mô hình đó.*

– HS tạo nhóm dựa trên ba loại mô hình sản xuất kinh doanh trên đây.

– Các nhóm thảo luận, trao đổi để lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là “Bản kế hoạch dự án”.

Giai đoạn 2.

– HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã lập với những nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Mỗi nhóm tìm hiểu về một mô hình sản xuất kinh doanh cụ thể: mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp ở địa phương.

+ Ghi hình quá trình thực hiện.

+ Viết bài thuyết trình giới thiệu sản phẩm: Tên mô hình sản xuất kinh doanh; chủ thể (chủ sở hữu); lĩnh vực sản xuất kinh doanh; quy mô hoạt động; vai trò xã hội của doanh nghiệp..

+ Thống nhất cách giới thiệu sản phẩm.

– HS cùng nhau tạo sản phẩm đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt mục tiêu.

Giai đoạn 3.

– GV tổ chức cho HS bình chọn ra những dự án hay nhất, có thuyết trình hay và thông điệp ý nghĩa.

– Sau hoạt động này, HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

3.1.5. Xử lý tình huống

Xử lý tình huống là phương pháp dạy học, trong đó GV tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực kinh tế, pháp luật trong thực tiễn.

Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

Khi thực hiện phương pháp xử lý tình huống, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu đối với tình huống:

+ Phải phù hợp với chủ đề bài học GDCC.

+ Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 10 cả về độ khó và độ dài.

+ Gắn gũi với cuộc sống thực của HS lớp 10.

+ Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.

– Yêu cầu về quy trình thực hiện:

+ GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:

▪ Tình huống xảy ra ở đâu?

▪ Tình huống xảy ra khi nào?

▪ Xảy ra với ai?

▪ Vấn đề cần giải quyết là gì?

+ GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:

▪ Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;

▪ Liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có;

▪ Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;

▪ So sánh kết quả các cách giải quyết;

- Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất;
- + HS/các nhóm HS làm việc, nêu cách xử lý tình huống qua các câu hỏi cụ thể.
- + GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết, xử lý tình huống phù hợp với chuẩn mực pháp luật và kinh tế.
- Một số yêu cầu khác:
 - + Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
 - + HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.
 - + Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.
 - + Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

3.1.6. Đóng vai

Dạy học thông qua đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

Khi sử dụng phương pháp đóng vai, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tình huống đóng vai:
 - + Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 10 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
 - + Tình huống không nên quá dài và phức tạp.
 - + Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.
 - + Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.
- Yêu cầu về cách thực hiện:

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- + GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.
- + GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- + Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.

- + Các nhóm lên đóng vai.
- + Thảo luận lớp: Nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.
- + GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

- Các yêu cầu khác:
 - + Phải dành thời gian phù hợp, đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

- + Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.
- + Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.
- + Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của hoạt động đóng vai.

3.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10

SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* gồm hai kiểu bài học, đó là bài học Giáo dục kinh tế và bài học Giáo dục pháp luật. Trong SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* thuộc bộ sách Cánh Diều, các bài học được phân chia cụ thể như trong bảng dưới đây:

Bài học giáo dục kinh tế
Bài 1. Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội
Bài 2. Các chủ thể của nền kinh tế
Bài 3. Thị trường
Bài 4. Kinh tế thị trường
Bài 5. Ngân sách nhà nước
Bài 6. Thuế
Bài 7. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh
Bài 8. Tín dụng
Bài 9. Dịch vụ tín dụng
Bài 10. Lập kế hoạch tài chính cá nhân
Bài học giáo dục pháp luật
Bài 11. Công dân với hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Bài 12. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 13. Chính quyền địa phương
Bài 14. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Bài 15. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị
Bài 16. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
Bài 17. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường
Bài 18. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước
Bài 19. Pháp luật trong đời sống xã hội
Bài 20. Hệ thống pháp luật Việt Nam
Bài 21. Thực hiện pháp luật

3.3. Cách dạy học

3.3.1. Cách dạy học các bài học về giáo dục kinh tế

Để việc dạy học các bài học này được hiệu quả, GV cần chú trọng khai thác các thông tin, trường hợp, tình huống thực tiễn gần gũi với HS trung học phổ thông, tiêu biểu, điển hình để tổ chức các hoạt động dạy học cho HS. Đó là các thông tin về hoạt động hoạt động sản xuất các ngành nghề ở các địa phương khác nhau trong cả nước, thông tin về hoạt động thị trường, về chủ trương, chính sách của Nhà nước về thúc đẩy hoạt động kinh tế; các trường hợp điển hình về mô hình sản xuất kinh doanh; các tình huống kinh tế.

Ví dụ: Để dạy về hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội, GV tổ chức cho HS “Tìm hiểu hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất”.

HS đọc các thông tin 1, 2, 3 (bài 1), trang 6, 7, GV tổ chức hoạt động thảo luận nhóm:

- GV chia lớp thành các nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm:
- + *Đọc các thông tin ở mục 1 “Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất”.*

Bài 1 CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Làng gốm Bát Tràng nổi tiếng với sản phẩm gốm sứ của Đồng bằng Bắc Bộ. Quá trình làm ra sản phẩm bao gồm hai giai đoạn chính: một là tạo cốt gốm, trang trí hoạ tiết; hai là phủ men lớp ngoài sản phẩm. Ở mỗi công đoạn đều cần sự khéo léo của người thợ để sản phẩm



Xưởng sản xuất kinh doanh gốm sứ, làng gốm Bát Tràng — Hà Nội. (Theo nhandan.vn)

có phong cách và sắc thái riêng. Làng nghề gốm sứ Bát Tràng sản xuất và cung cấp các sản phẩm với mẫu mã đa dạng, kích thước và công năng khác nhau như gốm sứ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, đồ dùng sinh hoạt,...

(Theo Hà Nguyễn, Làng nghề thủ công Hà Nội, NXB Thông tin và Truyền thông, năm 2017)

Thông tin 2. Công nghệ sản xuất sản phẩm âm nhạc là một quy trình khép kín, bao gồm nhiều công đoạn được gắn kết với nhau. Một nhà sản xuất đưa ra thị trường những sản phẩm âm nhạc có giá trị nghệ thuật và tính nhân văn cao sẽ đóng góp tích cực cho việc thưởng thức âm nhạc của công chúng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần. Những sản phẩm âm nhạc đó giúp con người sống tốt hơn, nhân văn hơn và đóng góp cho xã hội nhiều hơn.

(Theo Báo điện tử Hội nhạc sĩ Việt Nam, ngày 23/8/2013)

Thông tin 3. Đồng bằng sông Cửu Long với diện tích đất trồng lúa hơn 3,2 triệu héc-ta, hằng năm đóng góp hơn 50% sản lượng lúa và hơn 90% lượng gạo xuất khẩu, không chỉ đảm bảo an ninh lương thực mà còn khẳng định được vai trò, vị thế xuất khẩu gạo hàng đầu trên thế giới của Việt Nam.

(Theo VOV5, ngày 11/4/2020)

Trả lời 2 câu hỏi khai thác từ 3 thông tin trong SGK:

a) Em hãy cho biết hoạt động sản xuất trong mỗi thông tin trên có vai trò gì đối với đời sống của con người và xã hội?

b) Em hãy xác định điểm giống nhau và điểm khác biệt trong hoạt động ở thông tin 1, thông tin 3 với hoạt động ở thông tin 2.

– HS thảo luận nhóm.

– **Sản phẩm của HS:**

a) Thông tin 1: Hoạt động sản xuất của làng nghề tạo ra các sản phẩm vật chất (gốm sứ) phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của con người (ví dụ nhu cầu trang trí, mỹ nghệ, đồ thờ cúng, đồ dùng sinh hoạt,...); Thông tin 2: Hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần (âm nhạc) thoả mãn nhu cầu giải trí, nâng cao đời sống tinh thần của con người; Thông tin 3: Hoạt động sản xuất vật chất (sản xuất lúa gạo) thoả mãn nhu cầu tiêu dùng vật chất của con người; việc xuất khẩu gạo còn thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đất nước,...

b) Điểm giống nhau: Cả 3 hoạt động trên đều là hoạt động sản xuất, đều tạo ra sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người, làm phong phú đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Điểm khác nhau: Hoạt động 1, 3 là hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất; Hoạt động 2 là hoạt động sản xuất sản phẩm tinh thần.

Như vậy, qua việc sử dụng các thông tin hoạt động sản xuất, HS được tiếp cận gần đến kiến thức về hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất; từ đó cùng nhau xây dựng nên kiến thức bài học dưới sự tổ chức hướng dẫn của GV.

3.3.2. Cách dạy học các bài về giáo dục pháp luật

Để việc dạy học các bài học về giáo dục pháp luật được hiệu quả, GV cần tăng cường khai thác các tình huống pháp luật (giả định hoặc có thật), các thông tin pháp luật, các trường hợp điển hình gần gũi với HS THPT, tiêu biểu, điển hình, kết hợp với việc cho HS tìm hiểu các điều luật cụ thể,... để giáo dục cho HS về các chuẩn mực pháp luật được đặt ra trong yêu cầu của bài học, thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo nhóm, theo lớp. Đó là các thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước, các thông tin, trường hợp về thực hiện quyền con người, các tình huống pháp luật, thực hiện pháp luật của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước,... trong đó ưu tiên nhiều hơn cho việc sử dụng tình huống pháp luật.

Ví dụ: Khi dạy bài 15 “Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị”, mục 2 “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về dân sự”, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động tìm hiểu “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về dân sự”.

Bài 15 HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về dân sự Em hãy đọc các trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Anh T và chị H kết hôn với nhau đã được ba năm. Trước đây, do yêu cầu công việc nên mỗi người ở một tỉnh. Sau khi kết hôn được ba tháng, anh T chuyển đến công tác ở tỉnh nơi chị H đang sinh sống và được các cơ quan chức năng tạo điều kiện cho anh hoàn thành các thủ tục cần thiết theo quy định.

Trường hợp 2. Do mâu thuẫn cá nhân với nhau, K đã lên mạng xã hội viết bài nói xấu M với những lời lẽ miệt thị, xúc phạm khiến M vô cùng tức giận.

Trường hợp 3. Đến nhà N chơi, thấy điện thoại của N để trên bàn và có báo tin nhắn gửi đến, Q liền tự ý mở máy ra xem.



- a) Ở trường hợp 1, anh T đã thực hiện quyền nào của mình?
- b) Ở trường hợp 2 và 3, K và Q đã xâm phạm đến quyền nào của của M và N?
- c) Theo em, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các trường hợp bên được quy định ở đâu?

+ HS đọc đọc 1 trường hợp và 2 tình huống nói về quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp (trang 99).

+ Trả lời 3 câu hỏi:

a) Ở trường hợp bên, anh T đã thực hiện quyền nào của mình?

b) Ở tình huống 1 và 2, K và Q đã xâm phạm đến quyền nào của M và N?

c) Theo em, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong tình huống 1 và 2 được quy định ở đâu?

Sản phẩm của HS:

a) Anh T đã thực hiện quyền kết hôn theo quy định của Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình.

b) Ở tình huống 1 và 2, T và Q đã xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo hộ danh dự, nhân phẩm và quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

c) Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Cụ thể: Quyền kết hôn là quyền dân sự được quy định tại khoản 1 Điều 36 Hiến pháp; Quyền được pháp luật bảo hộ danh dự, nhân phẩm được quy định tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp; Quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín được quy định tại khoản 2 Điều 21 Hiến pháp.

Qua hoạt động thảo luận nhóm (hoặc hoạt động khác), HS được tiếp cận gần đến nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về dân sự.

Dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, HS khám phá kiến thức, cùng nhau xây dựng nên kiến thức về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về dân sự.

Ngoài các thông tin, tình huống, trường hợp điển hình về pháp luật trong thực tiễn cuộc sống, ở một số hoạt động GV còn có thể sử dụng các điều luật để HS tổ chức hoạt động học tập cho HS, khi việc nghiên cứu các điều luật là hợp lý hơn thông tin, tình huống.

Ví dụ: Khi dạy về đặc điểm của Hiến pháp nước CHXHCNVN (Mục 2 Bài 14), GV tổ chức cho HS đọc, thảo luận về khoản 8 Điều 16 Hiến pháp và khoản 1, 2 Điều 6 Luật Trẻ em 2016, Điều 8 Bộ luật Lao động 2019.

2. Đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Hiến pháp năm 2013

Điều 16

1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.
2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Luật Trẻ em năm 2016

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm (trích)

8. Kì thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em.

Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động (trích)

1. Phân biệt đối xử trong lao động.
2. Ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động.



a) Em hiểu như thế nào về quy định của Điều 16 Hiến pháp năm 2013?

b) Em hãy chỉ ra sự khác nhau giữa Điều 16 Hiến pháp năm 2013 với Khoản 8, Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 và Khoản 1, 2, Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2019.

c) Hãy chia sẻ hiểu biết của em về đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) *Em hiểu như thế nào về quy định tại Điều 16 Hiến pháp năm 2013?*

b) *Em hãy chỉ ra sự khác nhau giữa Điều 16 Hiến pháp năm 2013 với Khoản 8 Điều 6 của Luật trẻ em năm 2016 và Khoản 1, 2 Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2019.*

c) *Hãy chia sẻ hiểu biết của em về đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Sản phẩm của HS:

a) Điều 16 Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền bình đẳng trước pháp luật, không bị phân biệt và đối xử của con người trên mọi lĩnh vực của đời sống. Nghĩa là quy định vấn đề cơ bản nhất về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

b) Sự khác nhau giữa Điều 16 Hiến pháp năm 2013 với Khoản 8 Điều 6 của Luật Trẻ em năm 2016 và khoản 1 Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2019: Điều 16 Hiến pháp quy định tính nguyên tắc về quyền bình đẳng trước pháp luật của con người nói chung trong mọi lĩnh vực, còn khoản 8 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định về quyền bình đẳng của trẻ em; khoản 1, 2 Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về quyền bình đẳng trong lĩnh vực lao động.

c) Từ Điều 16 Hiến pháp, HS chia sẻ hiểu biết về đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo mục chốt kiến thức ở trang 90 (GV có thể chiếu lên bảng một số điều của Hiến pháp, như Điều 20, 21, 22, 27..., đối chiếu với các điều luật liên quan trong các luật khác nhau như Bộ luật Dân sự, Luật Khiếu nại, từ đó HS trao đổi, thảo luận để làm rõ đặc điểm của Hiến pháp.

Chẳng hạn, trên cơ sở có tính nguyên tắc tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp “*Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm*”, Điều 34 Bộ luật Dân sự 2015 quy định cụ thể về quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm như sau:

1. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án bác bỏ thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình. [...]

3. Thông tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng nào thì phải được gỡ bỏ, cải chính bằng chính phương tiện thông tin đại chúng đó. Nếu thông tin này được cơ quan, tổ chức, cá nhân cất giữ thì phải được hủy bỏ.

4. Trường hợp không xác định được người đã đưa tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình thì người bị đưa tin có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố thông tin đó là không đúng.

5. Cá nhân bị thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín thì ngoài quyền yêu cầu bác bỏ thông tin đó còn có quyền yêu cầu người đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại.

Từ hoạt động tìm hiểu Hiến pháp và trả lời các câu hỏi liên quan, GV dẫn dắt HS đến chốt kiến thức về đặc điểm của Hiến pháp theo trang 90 SGK.



Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định những vấn đề cơ bản nhất về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Hiến pháp không quy định chi tiết từng lĩnh vực, từng vấn đề riêng biệt của đời sống xã hội.

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của Nhà nước, là cơ sở để xây dựng và ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật quốc gia. Nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật khác không được trái với Hiến pháp.

Tóm lại, trong tổ chức dạy học, GV tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp điển hình, điều luật,... có thể lấy từ SGK, có thể thay thế, bổ sung các thông tin, tình huống phù hợp với địa phương mình để đưa vào tổ chức các hoạt động dạy học. Trong quá trình khai thác tình huống, GV nên đi theo một quy trình của quá trình nhận thức: Từ những trường hợp cụ thể (riêng) để đến những giá trị tổng thể (chung); từ thông tin, tình huống trong SGK để đến với đời sống thực tế của HS qua các hoạt động liên hệ.

Bằng cách đó, GV giúp HS có thể kết nối cuộc sống với bài học, đưa bài học vào cuộc sống một cách thật tự nhiên.

Như vậy, với cách dạy học các bài học về giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật theo định hướng phát triển năng lực HS, cần thông qua cách tiếp cận đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ trao đổi thảo luận về các thông tin, tình huống, trường hợp điển hình, điều luật,... dẫn dắt đến kiến thức mà HS cần hiểu được. Có như vậy, HS mới được tham gia các hoạt động học tập, được giao tiếp, trao đổi, bày tỏ ý kiến; được tìm tòi, phát triển tư duy sáng tạo, qua đó mà hình thành, phát triển các năng lực theo yêu cầu của mỗi chủ đề bài học.

Với cả hai loại bài học, GV cần khích lệ HS bày tỏ ý kiến, liên hệ với cuộc sống thực tiễn xã hội đã diễn ra hằng ngày.

3.3.3. Những lưu ý cần thiết khi khai thác nội dung sách giáo khoa Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 trong dạy học

Một trong những nguyên tắc mà GV cần bám sát khi khai thác nội dung SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* là: Luôn lấy yêu cầu cần đạt làm cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp. Nội dung học tập được HS thảo luận, được GV đưa ra phải bám sát nội dung yêu cầu cần đạt, tránh tình trạng đưa nội dung phụ thành nội dung chính, đi sâu phân tích mặt trái của vấn đề làm sai lệch yêu cầu của bài học.

Trên cơ sở SGK, GV hoàn toàn có thể linh hoạt, sáng tạo đưa ra những lựa chọn mới phù hợp hơn với thực tiễn sinh động của lớp học, trường học của mình. GV được quyền sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng SGK, thay đổi dữ liệu, chất liệu, thay đổi tình huống, thông tin, cách tiếp cận vấn đề,... để thực sự có được những giờ học “học sinh là trung tâm”, mà không phải “sách là trung tâm”, hay “giáo viên là trung tâm”.

SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* của bộ sách Cánh Diều phù hợp với mọi vùng miền trong cả nước, vì các tác giả đã tính đến sự đa dạng, khác biệt vùng miền. Tuy vậy, sự phổ quát đó khi đưa vào sử dụng trong thực tế vẫn có thể được điều chỉnh để trở nên “địa phương hoá”, để từ đó có những giờ học giàu tính thực tế hơn, gần gũi và hấp dẫn hơn với HS.

IV–ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cho học sinh. Việc đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu của đánh giá là nhằm đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật trong đời sống xã hội.

Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp.

Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện năng lực của học sinh làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn.

Như vậy, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực cần được thực hiện rộng rãi và đa chiều, được thiết kế theo nhu cầu phát triển và mức độ của HS. Để phát triển năng lực HS, việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả đầu ra mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của HS.

4.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật theo định hướng phát triển năng lực HS nhằm mục đích: Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

4.2. Yêu cầu đánh giá

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

4.3. Định hướng đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của HS lớp 10 được thực hiện theo Thông tư 22, ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập môn GDKTPL lớp 10 được thực hiện bằng hình thức nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

4.3.1. Đánh giá cả về nhận thức và hành vi, thái độ của HS

Mục đích cuối cùng của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là hình thành và phát triển các hành vi pháp luật và kinh tế, thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề của đời sống thực tiễn xã hội xung quanh. Do vậy, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật của HS lớp 10 cần đánh giá cả về nhận thức và về thái độ, biểu hiện hành vi

thực hiện bài học Giáo dục kinh tế và pháp luật của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

4.3.2. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

a) Đánh giá thường xuyên

– Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập và quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, các hoạt động tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

– Mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần (không bao gồm chuyên đề học tập), trong đó chọn số điểm đánh giá thường xuyên (ĐĐGtx) trong mỗi học kì cho môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 là 3 ĐĐGtx.

– Đối với cụm chuyên đề học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10, mỗi học sinh được chọn kết quả của 1 lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả này được tính là kết quả của 1 một lần đánh giá thường xuyên của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 và ghi vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh (theo lớp học).

b) Đánh giá định kì

– Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) là 45 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

– Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 1 điểm đánh giá giữa kì (ĐĐGgk) và 1 điểm đánh giá cuối kì (ĐĐGck).

4.3.3. Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số

a) Đánh giá bằng nhận xét

GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình học tập. HS dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân. Cha mẹ học sinh, những cá nhân, tổ chức có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

b) Đánh giá bằng điểm số

GV dùng điểm số để đánh giá kết quả học tập của HS.

Việc đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì phù hợp với đặc thù của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc: Đánh giá sự tiến bộ của HS, coi trọng sự động viên, khuyến khích cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất năng lực sẵn có hoặc đã được hình thành; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

Kết quả học tập của học sinh theo môn học được tính như sau:

– Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

– Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI}: Điểm trung bình môn học kì I.

ĐTB_{mhkII}: Điểm trung bình môn học kì II.

* Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

ĐTB_{mhk} được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của HS trong từng học kì, ĐTB_{mcn} được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của HS trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 1 trong 4 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

V- GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN, TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

Cùng với SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*, trong bộ sách môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 thuộc Cánh Diều còn có hệ thống tài liệu hỗ trợ giáo viên, học sinh trong dạy học:

- 1) Sách giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật 10
- 2) Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10
- 3) Học liệu điện tử
- 4) Thiết bị và đồ dùng học tập

5.1. Sách giáo viên

Sách giáo viên là tài liệu dành riêng cho GV, là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10.

5.2. Học liệu điện tử

5.2.1. Phiên bản điện tử SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

SGK phiên bản điện tử là phiên bản điện tử của SGK giấy, được số hoá. Giáo viên, học sinh có thể truy cập, sử dụng tiện lợi khi không cần phải có SGK giấy bên cạnh. Phiên bản điện tử mẫu của bộ SGK lớp 10 Cánh Diều được đăng tải trên website:

hoc10.vn

5.2.2. Video clip hỗ trợ dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Hệ thống học liệu, video clip hoạt hình hoá nội dung, hình ảnh, các dạng bài tập tương tác, giữa sách với người học, có khả năng hỏi đáp – đánh giá kết quả làm bài của người học, do đó có tác dụng hướng dẫn học tập và theo dõi quá trình học của học sinh.

5.3. Thiết bị và đồ dùng dạy học

Thiết bị, đồ dùng dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 được xây dựng phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 “Cánh Diều”.

Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 2613 ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT)

I – CẤU TRÚC KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TÊN BÀI:

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

Nêu cụ thể yêu cầu HS **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Về phẩm chất

Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, SGK, SBT *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*;
- Đồ dùng học tập;
- Học liệu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Xác định rõ mục tiêu của hoạt động là gì (tạo không khí thoải mái cho HS chuẩn bị vào bài học mới; HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học;...).

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV giới thiệu bài học mới và những yêu cầu nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2 (3, 4): Hình thành kiến thức mới (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu

- Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Các năng lực được phát triển cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS:

- GV nêu yêu cầu nhiệm vụ cho HS (làm việc theo nhóm: quan sát hình ảnh, đọc thông tin, thảo luận, trả lời câu hỏi,...).
- Sản phẩm làm việc của HS.
- GV kết luận, chốt kiến thức về những nội dung trong hoạt động.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập

a) Mục tiêu

- Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học.
- Nêu rõ yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.
- Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập tự luận, tình huống,... giao cho học sinh thực hiện.
- Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- Nêu rõ các năng lực hình thành ở HS sau phần Luyện tập.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực cụ thể của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

Giao cho HS thực hiện các bài tập vận dụng ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

Tổng kết bài học

- Tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua một số câu hỏi.
- Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

II- BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài 21 THỰC HIỆN PHÁP LUẬT (3 tiết)

I- MỤC TIÊU

1. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

– *Giao tiếp và hợp tác*: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm; sử dụng ngôn ngữ kết hợp hình ảnh, thông tin, tình huống pháp luật để trình bày ý tưởng, làm rõ khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.

– *Điều chỉnh hành vi*:

+ Trình bày được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện pháp luật của Nhà nước.

+ Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của mình và của người khác trong thực hiện pháp luật. Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với pháp luật; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật phù hợp với lứa tuổi.

– *Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*:

+ Giải thích được các hiện tượng thực hiện pháp luật và các hiện tượng vi phạm pháp luật trong cuộc sống hằng ngày ở khu dân cư và trong xã hội.

+ Phân tích, đánh giá, xử lý được các hiện tượng, vấn đề, tình huống pháp luật trong cuộc sống.

+ Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết các trường hợp vi phạm pháp luật phù hợp với lứa tuổi ở nhà và trong cộng đồng.

2. Về phẩm chất

Trách nhiệm:

+ Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.

+ Có trách nhiệm với gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc thực hiện pháp luật; tôn trọng và thực hiện đúng pháp luật trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, ti vi, màn hình trình chiếu;
- SGK, SGV, SBT *Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*;
- Video, tranh ảnh liên quan liên quan đến bài học.

II- GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

1. Hoạt động 1. Khởi động

Trên cơ sở nội dung mở đầu trong SGK, GV có thể sử dụng các cách khác nhau để tổ chức thành hoạt động mở đầu như: Quan sát hình ảnh người tham gia giao thông; xem video (do GV chuẩn bị) về hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi thực hiện pháp luật của người tham gia giao thông;... HS trả lời các câu hỏi liên quan đến hình ảnh vừa quan sát hoặc video vừa xem.

a) Mục tiêu

- HS bước đầu nhận biết, làm quen với hành vi thực hiện pháp luật.
- Dẫn dắt HS vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

– GV trình chiếu một số hình ảnh của người tham gia giao thông, yêu cầu HS quan sát hình ảnh, thảo luận theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi sau đây trong SGK:

1/ Quan sát hình ảnh, em hãy cho biết, người tham gia giao thông trong mỗi hình ảnh đã có hành vi như thế nào?

2/ Những hành vi này có phù hợp với pháp luật không? Vì sao?

- HS quan sát hình ảnh; thảo luận theo cặp đôi để cùng thảo luận và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.

– Sản phẩm của HS:

1/ HS xác định được hành vi của người tham gia giao thông ở hai hình ảnh trong SGK: ở hình ảnh 1, người tham gia giao dừng phương tiện khi gặp đèn đỏ; ở hình ảnh 2, người tham gia giao thông dàn hàng ngang, không đội mũ bảo hiểm.

2/ Ở hình ảnh 1: Hành vi của người tham gia giao thông phù hợp với pháp luật, vì đã xử sự đúng quy định của pháp luật: Làm những gì mà pháp luật quy định phải làm (Luật Giao thông đường bộ quy định người tham gia giao thông phải dừng lại khi có đèn đỏ).

+ Ở hình ảnh 2: Hành vi của người tham gia giao thông là trái pháp luật, vì đã làm những việc mà pháp luật cấm (Luật Giao thông đường bộ cấm hành vi vượt đèn đỏ).

– GV mời đại diện của 2 hoặc 3 cặp đôi trả lời câu hỏi; một số học sinh khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận: Đưa ra nhận xét, đánh giá về quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Vậy, thực hiện pháp luật là gì? Có những hình thức thực hiện pháp luật nào? Chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

Lưu ý: GV có thể chuẩn bị bổ sung các hình ảnh khác về hành vi đúng, sai khi tham gia giao thông (2 hình ảnh).

KHÁM PHÁ

Trong phần này, GV có thể sử dụng phương pháp dạy học khám phá, yêu cầu HS đọc các thông tin, tình huống trong SGK, có thể sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, đóng vai, thảo luận cặp/nhóm, tranh biện..., các kỹ thuật dạy học như: khăn trải bàn, phòng tranh, mảnh ghép,...

Dưới đây là một cách thiết kế tổ chức các hoạt động ở phần Khám phá.

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm thực hiện pháp luật

a) Mục tiêu

Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm; sử dụng ngôn ngữ kết hợp thông tin, tình huống pháp luật để trình bày ý tưởng, làm rõ khái niệm thực hiện pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức lớp thành các nhóm đôi; giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ *Đọc thông tin và tình huống ở mục 1 “Khái niệm thực hiện pháp luật”.*

+ *Tìm ra hành vi, biểu hiện của Công ty H ở thông tin và của P trong tình huống.*

+ *Trả lời câu hỏi: Công ty H và bạn P đã có hành vi, biểu hiện như thế nào? Hành vi, biểu hiện đó có đúng pháp luật không? Vì sao?*

– HS thảo luận theo nhóm cặp đôi.

– ***Sản phẩm của HS:***

1/ Hành vi/biểu hiện của công ty H:

- Chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước.
- Khai đúng số lượng sản phẩm, doanh thu.
- Nộp thuế đầy đủ và đúng hạn.

► Những việc làm này thể hiện công dân đã chủ động, tích cực làm những việc pháp luật quy định phải làm.

2/ Hành vi của P: Luôn từ chối Q chơi điện tử ăn tiền. Chỉ cho Q biết chơi điện tử ăn tiền là vi phạm pháp luật.

► Những việc làm này thể hiện công dân đã không làm những việc pháp luật cấm.

– GV mời đại diện của 2 đến 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có).

Qua hoạt động thảo luận nhóm (hoặc hoạt động khác), HS được tiếp cận gần đến khái niệm thực hiện pháp luật.

– GV nhận xét:

+ GV nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.

+ GV chuẩn hóa câu trả lời (GV chiếu):

– GV đặt thêm câu hỏi: Từ nội dung vừa thảo luận, em hãy cho biết thế nào là thực hiện pháp luật?

– HS trả lời cá nhân.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức “Thế nào là thực hiện pháp luật” (GV chiếu khái niệm): *Thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật, làm cho pháp luật đi vào đời sống xã hội.*

– GV nhấn mạnh bổ sung (GV chiếu):

+ Mọi hoạt động của cá nhân, tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật được gọi là hành vi hợp pháp.

+ Hành vi hợp pháp là hành vi không trái pháp luật, đó là các hành vi:

- Làm những việc mà pháp luật cho phép làm.
- Làm những việc mà pháp luật quy định phải làm.
- Không làm những việc pháp luật cấm.

Hoạt động 3. Tìm hiểu các hình thức thực hiện pháp luật

a) Mục tiêu

– HS biết tham gia các hình thức làm việc nhóm; giải thích được các hiện tượng thực hiện pháp luật và các hiện tượng vi phạm pháp luật trong cuộc sống hằng ngày ở khu dân cư và trong xã hội.

– HS phân tích, đánh giá, xử lý được các hiện tượng, vấn đề, tình huống pháp luật trong cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm (4–6 nhóm); quy định vị trí, thời gian làm việc; giao nhiệm vụ cho các nhóm (chiều nhiệm vụ của các nhóm lên bảng):

+ *Mỗi nhóm thảo luận 1 tình huống/thông tin ở Mục 2, trang 129–130 SGK: nhóm 1: Tình huống 1; nhóm 2: Tình huống 2; Nhóm 3: Tình huống 3; Nhóm 4: Thông tin 1; Nhóm 5: Thông tin 2.*

+ *Trả lời câu hỏi a, mục 2 (trang 130): Ở mỗi tình huống và thông tin, các tổ chức, cá nhân đã thực hiện pháp luật như thế nào?*

– HS thảo luận nhóm (sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn) để hoàn thành nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu có).

– **Sản phẩm của HS:**

+ Ở tình huống 1: Công ty M đã xây dựng hệ thống nước thải bảo đảm quy trình kỹ thuật môi trường. Công ty đã thực hiện công việc mà pháp luật quy định phải làm.

+ Ở tình huống 2: ông Q đã sử dụng quyền của mình được pháp luật cho phép để bảo vệ quyền của mình bị xâm phạm.

+ Ở tình huống 3: chị Dung đã không vượt đèn đỏ, không thực hiện hành vi mà pháp luật cấm.

+ Ở thông tin 1: Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện V đã áp dụng pháp luật để ra quyết định cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, làm phát sinh quyền của học sinh.

Ở thông tin 2: Toà án nhân dân tỉnh K đã áp dụng quy định của pháp luật để xử lý người vi phạm pháp luật.

– HS thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận của nhóm, cử đại diện của nhóm báo cáo kết quả thảo luận và trả lời câu hỏi của nhóm bạn (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và kết luận về bốn hình thức thực hiện pháp luật: Tuân thủ pháp luật; Thi hành pháp luật; Sử dụng pháp luật; Áp dụng pháp luật. (GV chiếu 4 hình thức thực hiện pháp luật).

– GV phân tích thêm về 4 hình thức thực hiện pháp luật, bằng cách nêu câu hỏi cho cả lớp cùng suy nghĩ, trả lời câu hỏi b, mục 2 (trang 130):

1/ Tìm ra sự khác nhau về hình thức thực hiện pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong các tình huống, thông tin trên.

2/ Xét ở khía cạnh chủ thể thực hiện pháp luật thì hình thức nào khác biệt so với 3 hình thức còn lại? Vì sao?

3/ Xét ở khía cạnh tính chất (chủ động/thụ động/tự chủ) thì hình thức nào khác biệt so với 3 hình thức còn lại? Vì sao?

– HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

– HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV kết luận về câu trả lời:

1/ Ở tình huống 1: Công ty H đã thực hiện pháp luật theo hình thức *Thi hành pháp luật*; ở tình huống 2: Ông Q đã thực hiện pháp luật theo hình thức *Sử dụng pháp luật*; ở tình huống 3: Chị Dung đã thực hiện pháp luật theo hình thức *Tuân thủ pháp luật*; ở thông tin 1: Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện V đã thực hiện pháp luật theo hình thức *Áp dụng pháp luật*; ở thông tin 2: Toà án nhân dân tỉnh K đã thực hiện pháp luật theo hình thức *Áp dụng pháp luật*.

2/ Hình thức Áp dụng pháp luật khác biệt với 3 hình thức còn lại (vì chủ thể thực hiện là cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền, mà không phải bất kì một cá nhân, tổ chức nào).

3/ Hình thức Sử dụng pháp luật khác với 3 hình thức còn lại về tính chất, vì theo hình thức sử dụng pháp luật thì chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình mà không bị ép buộc phải thực hiện.

– GV chốt kiến thức theo 4 hình thức thực hiện pháp luật trong SGK (trang 130).

Hoạt động 4. Thảo luận về công dân thực hiện pháp luật trong cuộc sống

a) Mục tiêu

– Phân tích, đánh giá được cách thức công dân thực hiện pháp luật trong một số tình huống cụ thể.

– HS biết tự giác thực hiện pháp luật; biết điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, phù hợp với lứa tuổi.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành 4 – 6 nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ *Đọc và thảo luận tình huống 1, 2 của mục 3 (trang 131- SGK), theo hai câu hỏi (GV chiếu câu hỏi):*

a) Em hãy phân tích các tình huống và cho biết cá nhân, tổ chức ở mỗi tình huống đó đã thực hiện pháp luật như thế nào?

b) Mỗi tình huống này phù hợp với một hình thức thực hiện pháp luật nào?

– HS làm việc theo nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn).

– **Sản phẩm của HS:**

Câu hỏi a:

+ Anh Nguyên cùng các bạn xin đăng kí kinh doanh để mở cửa hàng bán đồ điện tử là việc làm phù hợp với pháp luật, là chủ động thực hiện pháp luật.

+ Việc thanh tra xây dựng áp dụng biện pháp cưỡng chế dỡ bỏ phần nhà của ông Q lấn chiếm mặt đường là việc làm phù hợp pháp luật, trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra xây dựng. Hành vi này là thực hiện pháp luật một cách tích cực, chủ động.

Câu hỏi b:

Ở tình huống 1: Anh Nguyên đã sử dụng quyền của mình được pháp luật cho phép, đây là hình thức *Sử dụng pháp luật*.

Ở tình huống 2: Thanh tra xây dựng đã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để áp dụng biện pháp cưỡng chế người vi phạm pháp luật, nên đây là hình thức *Áp dụng pháp luật*.

– Các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình. Các nhóm khác bổ sung ý kiến (có thể sử dụng kỹ thuật 321).

– Từ kết quả thảo luận của các nhóm, GV nhận xét và kết luận trả lời theo các câu trả lời gợi ý trên (GV chiếu các câu trả lời).

– GV nhấn mạnh về sự cần thiết phải thực hiện pháp luật, tác hại của việc không thực hiện pháp luật; chốt kiến thức của mục 3: *Để pháp luật thật sự đi vào cuộc sống, mỗi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội cụ thể đều phải lựa chọn cách xử sự phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện đúng các quy định của pháp luật.*

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập

a) Mục tiêu

– HS phân tích, nhận xét được những hành vi đúng, sai của mình và của người khác về thực hiện pháp luật.

– HS biết phê phán, đấu tranh các hành vi vi phạm pháp luật của những người xung quanh.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm, hoàn thành 3 bài tập trong phần luyện tập.

Bài tập 1: Mỗi hành vi, việc làm dưới đây thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào? Vì sao?

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân: Đọc thông tin và hoàn thành phiếu học tập sau:

(Ghi hình thức thực hiện pháp luật ở cột 2 cho tương ứng với hành vi, việc làm ở cột 1)

PHIẾU HỌC TẬP	
Họ và tên HS:..... Lớp:.....	
Hành vi, việc làm (1)	Hình thức thực hiện pháp luật (2)
A. Không buôn bán, sử dụng trái phép chất ma túy.	Tuân thủ pháp luật: Vì công dân không làm điều pháp luật cấm.
B. Mở cửa hàng bán hàng may mặc sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	Sử dụng pháp luật: Vì công dân làm điều pháp luật cho phép làm.

C. Cơ quan y tế ra quyết định phạt tiền đối với cửa hàng ăn uống vì không áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm.	Áp dụng pháp luật: Vì cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào quy định của pháp luật về việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm để ra quyết định xử phạt hành vi vi phạm của người kinh doanh.
D. Nhà máy sản xuất bánh mì áp dụng các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.	Thi hành pháp luật: Vì công dân đã thực hiện việc pháp luật quy định phải làm.

Bài tập 2: Xử lý tình huống

– GV yêu cầu HS đọc 3 tình huống trong SGK, chia lớp thành 3 nhóm (một nhóm 1 tình huống) thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của bài tập.

– GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần).

– Sản phẩm của HS:

HS trả lời được 3 câu hỏi của 3 câu tình huống a, b, c – Bài tập 2:

a) Chị Hà mở cửa hàng bán thuốc tân dược sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh là chị Hà đã Sử dụng pháp luật – sử dụng quyền tự do kinh doanh của công dân, là một hình thức thực hiện pháp luật.

b) Việc cơ quan thuế ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty V là hình thức Áp dụng pháp luật, vì cơ quan thuế đã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật để xử lí người vi phạm quy định của pháp luật thuế.

c) Việc cơ quan quản lí thị trường xử phạt vi phạm hành chính đối với bà X là đúng pháp luật, là hình thức Áp dụng pháp luật, vì cơ quan quản lí thị trường đã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật để xử lí người vi phạm quy định của pháp luật kinh doanh: kê khai không đúng mặt hàng ghi trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.

– Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận nhóm. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu có).

– GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các nhóm.

– GV chuẩn hóa đáp án (GV chiếu).

Bài tập 3: Nếu chứng kiến hành vi vi phạm pháp luật của người khác, em sẽ xử sự như thế nào? Vì sao?

HS có thể đưa ra các cách ứng xử khác nhau, nhưng về cơ bản cần nêu được trách nhiệm của công dân khi chứng kiến hành vi vi phạm pháp luật: Phê phán, biểu thị không

đồng tình, đấu tranh, tố giác những hành vi sai phạm đó với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS biết lập bảng theo dõi việc thực hiện pháp luật của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Lập bảng theo dõi việc thực hiện pháp luật của bản thân ở nhà, ở trường và ở nơi công cộng.

+ Nêu hướng phát huy và hướng khắc phục.

– HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ.

– HS có thể trao đổi với GV những vấn đề còn vướng mắc qua zalo, email hoặc điện thoại.

– ***Sản phẩm của HS:***

+ HS lập được bảng theo dõi chi tiết (như nhật kí) việc thực hiện pháp luật của bản thân ở nhà, ở trường và ở nơi công cộng. Ghi rõ thành các cột: ngày, tháng, năm; địa điểm; thời gian; hành vi, hành vi, việc làm, biểu hiện cụ thể về thực hiện pháp luật hoặc không thực hiện pháp luật.

+ Nêu hướng phát huy hành vi thực hiện pháp luật hoặc khắc phục hành vi không thực hiện pháp luật.

– HS nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

– Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

Tổng kết bài học

– GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua một số câu hỏi.

– Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

MỤC LỤC

	Trang
I. Giới thiệu về Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	3
1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	3
1.2. Kế hoạch giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	5
	7
II. Sách giáo khoa môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	7
2.1. Quan điểm biên soạn	8
2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	17
III. Định hướng dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	17
3.1. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	27
3.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	28
3.3. Cách dạy học	34
IV. Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	35
4.1. Mục đích đánh giá	35
4.2. Yêu cầu đánh giá	35
4.3. Định hướng đánh giá	
V. Hệ thống sách giáo khoa, sách giáo viên, các tài liệu tham khảo bổ trợ và học liệu điện tử, thiết bị dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	38
5.1. Sách giáo viên	38
5.2. Học liệu điện tử	38
5.3. Thiết bị và đồ dùng dạy học	38
Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	39
I. Cấu trúc kế hoạch bài dạy	39
II. Bài soạn minh họa	41